

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2019 /HSST

Ngày 16 tháng 05 năm 2019

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Lê Văn Ninh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái
Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim OA - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố
Thái Nguyên. Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mở
phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 185 /2019/HSST,
ngày 29 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208
/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng A, tên gọi khác: Không, sinh ngày:
26/7/1968. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 28, phường H, TP.T, tỉnh Thái
Nguyên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính:
Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Bá Tr; Con bà: Lê
Thị Th; Có chồng là Hoàng Văn Q; Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ
sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại (không bị tạm
giữ, tạm giam ngày nào). **Có mặt tại phiên tòa.**

* **Bị hại:** Chị Trần Thị Th, sinh năm 1961 **(Có mặt)**

HKTT: Xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Triệu Thị Thúy Ph, sinh năm 1992 **(Có mặt tại phiên tòa).**

HKTT: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng

2. Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1965(Có mặt tại phiên tòa).

HKTT: Tổ 28, P. Ho, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

* *Người chứng kiến:*

1. Chị Lương Thị Minh G, sinh năm 1981(Có mặt tại phiên tòa).

HKTT:Tổ 12, P. Q, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

2. Ông Trần Khắc Nh, sinh năm 1966(Vắng mặt tại phiên tòa).

HKTT: tổ 18, P. G, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 10 phút ngày 18/01/2019, Nguyễn Thị Hồng A là chủ ki ốt số 06 trong căng tin của Trường Cao đẳng kinh tế tài chính Thái Nguyên thuộc tổ 16, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đi ngang qua ki ốt số 8 của bà Trần Thị T (sinh năm; 1961, trú tại: Xóm Đ, xã Pc, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) làm chủ. Biết bà T đang đi đón cháu đi học chưa về, ki ốt không có ai trông coi nên Hồng A nảy sinh ý định vào bên trong ki ốt số 8 để trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát không thấy ai, Hồng A đã lén lút đi vào trong ki ốt số 8 rồi đi đến vị trí để chiếc hòm tôn được khóa bằng khóa Việt Tiệp màu đen ở cạnh đầu giường của bà Th và nh A chóng bê hòm tôn trên về ki ốt số 6 của mình. Tại đây, Hồng A dùng một th A sắt để cạy hòm tôn, lấy được số tiền 30.000.000 đồng và 5,5 chỉ vàng (trong đó có 3,5 chỉ vàng loại 9999 và 02 chỉ vàng loại 997), còn lại số tiền 2.500.000 đồng để trong phong bì; 06 hộp tròn bằng nhựa màu đỏ loại dùng để đựng đồ trang sức, bên trong không có tài sản gì đã qua sử dụng; 01 bộ quần áo ngủ dài tay màu hồng trắng, 01 áo len dài tay màu hồng, 01 áo len dài tay màu trắng, 01 áo khoác màu xA, 01 áo cộc tay màu xA, 01 áo cộc tay màu chun xA, 01 quần âu dài màu đen; 07 biên lai thu tiền mang tên Trần Thị T; 04 thẻ tiết kiệm Vietinbank mang tên “NONG THI KIM H”, “TRIEU THI THUY P”, “NONG QUOC H; 01 sổ ghi chép màu xA kích thước 14,5 x 10 cm, đã qua sử dụng của bà Th thì Hồng A vẫn để trong hòm tôn (sau xácđịnh số tiền 2.500.000 đồngđể trong phong bì , 01 chỉ vàng 9999 và 02 chỉ vàng 997, 01 thẻ tiết kiệm là của chị Triệu Thị Thúy P gửi bà T). Số tài sản còn lại là của bà T. Sau đó, Hồng A cất giấu hòm tôn trên ở góc bếp trong ki ốt số 6 của mình. Sau khi trộm cắpđược tài sản trên, Hồng A đã sử dụng 19.000.000 đồngđể trả nợ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bà Th đi về ki ốt số 8 thì phát hiện thấy chiếc hòm tôn của mình đã bị mất trộm. Cùng ngày, bà Th đã đến Công an phường T trình báo sự việc để giải quyết.

Tại kết luận số 25/HĐĐGTS ngày 27/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên, kết luận: 5,5 chỉ vàng (3,5 chỉ vàng loại 9999 nhẫn tròn và 02 chỉ vàng loại 997 dây chuyền). Định giá 19.585.000 đồng; 01 hòm tôn kích thước 80x30x60cm, đã qua sử dụng. Định giá 21.000 đồng; 01 bộ khóa Việt Tiệp gồm chìa khóa và ổ khóa màu đen, đã qua sử dụng. Định giá: 20.000 đồng; 06 hộp tròn bằng nhựa màu đỏ loại dùng để đựng đồ trang sức, bên trong không có tài sản gì đã qua sử dụng. Định giá: 6.000 đồng; 01 bộ quần áo ngủ dài tay màu hồng trắng, 01 áo len dài tay màu hồng, 01 áo len dài tay màu trắng, 01 áo khoác màu xA, 01 áo cộc tay màu xA, 01 áo cộc tay màu chun xA, 01 quần âu dài màu đen, đã qua sử dụng. Định giá: 80.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên là 19.712.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Hồng A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận của Hồng A phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Phần dân sự: Bà Th, chị P không có yêu cầu đề nghị gì khác. Ông Hoàng Văn Q là người giao nộp số tiền 19.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ông Q không yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản Cáo trạng số 185/CT-VKSTPTN ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố **Nguyễn Thị Hồng A** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa:

- Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng A** khai nhận: Do hám lợi nên lợi dụng ki ốt của bà Trần Thị Thái không có người trông coi nên Nguyễn Thị Hồng A đã lợi dụng sơ hở trộm cắp tài sản của bà Th. tổng giá trị tài sản là 52.212.000 đồng. Bị cáo thống nhất với tội dA và khung hình phạt như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai.

- Bị hại Trần Thị Thái khai: Do tin tưởng bị cáo nên ngày 18/01/2019, do mãi đi đón cháu đang học mầm non nên bà đã nhờ bị cáo và chị Giang là những người cùng bán hàng trong trường Cao đẳng Tài chính kế toán Thái Nguyên trông giúp cửa hàng. Lợi dụng sơ hở, bị cáo Hồng A đã vào cửa hàng của bà là ki ốt số 8 trộm đi 01 hòm tôn trong đó có 32.500.000 đồng và 5,5 chỉ vàng (gồm 3,5 chỉ vàng loại 9999 nhẫn tròn và 02 chỉ vàng loại 997 dây chuyền) và nhiều vật dụng tài sản khác trị giá 52.212.000 đồng. Trong quá trình điều tra bà Th đã được nhận lại tài sản, tại phiên tòa bà không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q khai: Ông là chồng bị cáo Hồng A. Sau khi biết vợ trộm cắp tài sản của bà Th ông Q đã được bị cáo tác

động trả cho bà Th 19.000.000đ. Tại phiên tòa ông không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại ông số tiền trên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị P khai: Chị là cháu gái của bà Th đang ở cùng bà Th, chị có gửi bà Thái giữ hộ 2.500.000đ, 1 chỉ vàng loại nhẫn tròn 9999 và dây chuyền 02 chỉ, sổ tiết kiệm của chị mang tên Triệu Thị Thúy P. Số tài sản này được cất trong hòm tôn đã bị bị cáo Hồng A trộm cắp. Nay số tài sản trên bà Th sau khi được cơ quan điều tra trả lại đã trả cho chị, tại phiên tòa chị P xác định đã nhận lại đủ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần trA luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ quyền công tố đã trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng A** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Thị Hồng A** từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

* Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Trách nhiệm dân sự: không giải quyết

*** Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.**

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong phần trA luận bị cáo **Nguyễn Thị Hồng A**: Không đối đáp, trA luận. Nhất trí với nội dung Bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo xin HĐXX xét xem cho được cải tạo tại địa phương để có cơ hội làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, kết luận định giá. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 18/01/2019, tại tổ 16, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, Nguyễn Thị Hồng A có hành vi trộm cắp tài sản là một chiếc hòm tôn bên trong có số tiền 32.500.000 đồng và 5,5 chỉ vàng (trong đó có 3,5 chỉ vàng loại 9999 và 02 chỉ vàng loại 997); 06 hộp tròn bằng nhựa màu đỏ loại dùng để đựng đồ trang sức, bên trong không có tài sản gì đã qua sử dụng; 01 bộ quần áo ngủ dài tay màu hồng trắng, 01 áo len dài tay màu hồng, 01 áo len dài tay màu trắng, 01 áo khoác màu xA, 01 áo cộc tay màu xA, 01 áo cộc tay màu chun xA, 01 quần âu dài màu đen; 07 biên lai thu tiền mang tên Trần Thị Thái; 04 thẻ tiết kiệm Vietinbank mang tên “NONG THI KIM HUE”, “TRIEU THI THUY PHUONG”, “NONG QUOC HIEU”; 01 sổ ghi chép màu xA kích thước 14,5 x 10 cm, đã qua sử dụng (trị giá 19.712.000 đồng), trong đó 01 chỉ vàng 9999, 02 chỉ vàng 997, số tiền 2.500.000 đồng và 01 thẻ tiết kiệm là của chị Triệu Thị Thúy Phương gửi bà Thái giữ hộ. Số tài sản còn lại của bà Trần Thị Thái. Tổng giá trị tài sản Hồng A trộm cắp là 52.212.000 đồng. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên, Hồng A khai đã đem đi trả nợ số tiền 19.000.000 đồng. Hiện toàn bộ tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị Thái quản lý. Bà Thái không yêu cầu đền bù gì khác.

Như vậy với hành vi nêu trên của bị cáo **Nguyễn Thị Hồng A** đã đủ yếu tố cấu thành tội *Trộm cắp tài sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3]. Bản cáo trạng số: 185/CT-VKSTPTN ngày 27/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố **Nguyễn Thị Hồng A** về tội dA và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

a) ...

b) ...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân muốn có tiền để tiêu xài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội, hành vi này phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] **Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:** Bị cáo Nguyễn Thị Hồng A có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tại phiên tòa vẫn tiếp tục đề nghị **Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương**, bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương **nơi cư trú** xác nhận, bảo lãnh nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

[6] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy ở địa phương bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà Nước, điều đó thể hiện trong nội dung đơn trình bày của bị cáo được địa phương xác nhận, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, sau khi phạm tội đã thật sự thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên và lời thỉnh cầu của bị cáo, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại (chị Thái), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Phương) quản lý, sử dụng. tại phiên tòa bà Thái, ông Quang, chị Phương không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9]Về xử lý vật chứng: Số tiền 32.500.000 đồng và 5,5 chỉ vàng (gồm 3,5 chỉ vàng loại 9999 nhẫn tròn và 02 chỉ vàng loại 997 dây chuyền); 01 hòm tôn kích thước 80x30x60cm, đã qua sử dụng; 01 bộ khóa Việt Tiệp gồm chìa khóa và ổ khóa màu đen, đã qua sử dụng; 06 hộp tròn bằng nhựa màu đỏ loại dùng để đựng đồ trang sức, bên trong không có tài sản gì đã qua sử dụng; 01 bộ quần áo ngủ dài tay màu hồng trắng, 01 áo len dài tay màu hồng, 01 áo len dài tay màu trắng, 01 áo khoác màu xA, 01 áo cộc tay màu xA, 01 áo cộc tay màu chun xA, 01 quần âu dài màu đen, đã qua sử dụng; 07 biên lai thu tiền mang tên Trần Thị Thái; 04 thẻ tiết kiệm Vietinbank mang tên “NONG THI KIM HUE”, “TRIEU THI THUY PHUONG”, “NONG QUOC HIEU”; 01 sổ ghi chép màu xA kích thước 14,5 x 10 cm, đã qua sử dụng. Hiện tài sản đã được cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị Thái quản lý, sử dụng.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11].Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c Khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng A03** (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “**Trộm cắp tài sản** ”.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị Hồng A** cho UBND phường Hoàng Văn Thụ, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

4.Về án phí:Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Nguyễn Thị Hồng** phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. **Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Hải